

Bản án số: 129/2018/HS-ST
Ngày 22-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Trọng Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà Nhà giáo nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Triệt Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 113/2018/TLST-HS ngày 25/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/QĐXXST-HS ngày 09/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Cấn Văn Đ, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1999; HKTT và nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao Động tự do; trình Đ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Cấn Văn N, sinh năm 1970; con bà Bùi Thị T, sinh năm 1971; vợ, con: không; Danh chỉ bản số 393 lập ngày 26/6/2018 tại Công an huyện Chương Mỹ; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Cấn Đức L, sinh ngày 17/6/2000; HKTT và nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao Động tự do; trình Đ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Cấn Văn T, sinh năm 1978; con bà Vũ Thị H, sinh năm 1979; vợ, con: không; Danh chỉ bản số 412 lập ngày 04/7/2018 tại Công an huyện Chương Mỹ; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại: Anh Doãn Văn Lg, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2002; Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh L: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1983 (mẹ đẻ anh L); Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Mạnh N**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Quốc Oai, Hà Nội

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 10/4/2018, Cán Đức L – Cán Văn Đ đang chơi ở nhà anh Ninh Quốc K ở thôn X, xã TX, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội thì Đ bảo L chở về nhà, L mượn xe máy của bạn rồi chở Đ về nhà. Sau đó, Đ - L lại quay về nhà K. Trên đường quay lại nhà K, biết bạn học cùng trường là Doãn Văn Lg có 01 xe máy điện đang gửi ở nhà K, L bàn bạc với Đ trộm chiếc xe máy điện của Lg để cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân, L đồng ý. Khi đến nhà K, L gặp ông Ninh Quốc Kh (bố của K) thì nói dối là xin đi vệ sinh. Do biết L là bạn học của K nên ông Kh mở cổng cho L vào nhà. Đ đứng ở ngoài quan sát thấy không có ai nên đã vào trong sân nhà ông Kh lấy trộm chiếc xe máy điện của Lg dắt ra ngoài. Khi L đi ra thấy Đ đã dắt được chiếc xe máy điện của Lg ra ngoài. L đưa chìa khóa xe máy để Đ cầm mở ổ khóa xe điện sau đó L đi xe máy còn Đ đi xe máy điện về thôn C, C, Quốc Oai tìm nơi cầm cố xe máy. L – Đ gặp Nguyễn Mạnh N, do N là người cùng thôn với Đ nên Đ bảo N cho cầm cố chiếc xe máy điện lấy 2.000.000đồng, hẹn nửa tháng sau sẽ chuộc lại, N đồng ý. Số tiền cầm cố xe máy điện Đ - L chi tiêu cá nhân hết. Đến 17 giờ cùng ngày, Doãn Văn Lg, Ninh Quốc K đi học về không thấy xe máy điện của Lg đâu, Lg đi tìm và xác định được người trộm cắp xe máy điện là Đ, L. Lg đã nhắn tin và gọi điện cho Đ, L nhiều lần yêu cầu Đ, L trả lại xe nhưng Đ, L không trả. Ngày 20/4/2018, Lg đã gửi đơn tố giác tới Đồn Công an số 14 để trình báo, Công an Đồn số 14 đã triệu tập L đến làm việc, Đ bỏ trốn. Ngày 25/6/2018 Đ đã đến Công an huyện Chương Mỹ đầu thú.

Tang vật thu giữ: 01 xe máy điện Grant 133s màu đỏ cũ đã qua sử dụng do ông Cán Văn T (bố L) đã chuộc lại của Nguyễn Mạnh N và giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53/TC-KLĐGHĐ ngày 07/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chương Mỹ kết luận: 01 xe máy điện số khung 621410810630, số máy A15918000310 giá trị 6.500.000đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Cơ quan điều tra xác định 01 xe máy điện Grant 133s có BKS 29MĐ-203.26 nhưng trong thời gian Lg sử dụng đã bị rơi BKS, chưa lắp lại thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị C (mẹ Lg), Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy điện cho bà C.

Cáo trạng số 109/CT-VKS ngày 24/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Cán Văn Đ - Cán Đức L tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: - Bị cáo Cán Văn Đ, Cán Đức L khai nhận toàn bộ diễn biến thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cấn Văn Đ, Cấn Đức L phạm tội Trộm cắp tài sản; Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ xử phạt bị cáo Đ từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng; Áp dụng khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1 điều 51, điều 91, điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L, xử phạt bị cáo L từ 05 tháng tù đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng. Về hình phạt bổ sung xét thấy các bị cáo còn trẻ, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu giải quyết. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về: Khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người bị tạm giữ, tạm giam, về các biện pháp điều tra như lấy lời khai bị can, lấy lời khai người làm chứng, xác minh hiện trường vụ án, thu giữ vật chứng, trưng cầu định giá tài sản, về việc giao nhận các văn bản tố tụng cho bị can, bị hại. Quá trình điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên không mớm cung, ép cung, bức cung, nhục hình đối với bị can.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét lời khai của các bị cáo Cấn Văn Đ, Cấn Đức L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 14 giờ 30 ngày 10/4/2018 tại nhà ông Ninh Văn Kh ở thôn X, xã TX, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Cấn Văn Đ, Cấn Đức L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy điện của anh Doãn Văn Lg trị giá 6.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố bị cáo Đ, L tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Xét vị trí, vai trò của các bị cáo: Cán Văn Đ là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản và rủ Cán Văn L trộm cắp cùng; giữa Đ, L không có sự bàn bạc, phân công nhau thực hiện hành vi trộm cắp. Khi phạm tội Đ đã thành niên còn L là người chưa thành niên; Đ là người chủ động thực hiện việc trộm cắp tài sản, khi thực hiện xong thì cùng nhau đi tiêu thụ lấy tiền tiêu sài. Do đó Đ có vai trò cao hơn L trong vụ án.

[2.3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Đ, L khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả bị hại; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.4]. Xét loại, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, thể hiện tính coi thường pháp luật.

Bị cáo Đ, L có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội. Đối với bị cáo Đ áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo. Đối với bị cáo L mặc dù khi xét xử bị cáo đã thành niên nhưng khi phạm tội bị cáo L mới 17 tuổi 9 tháng 24 ngày nên cần áp dụng điều 36, điều 91 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L cho bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp. Bị cáo L là người chưa thành niên phạm tội nên miễn khẩu trừ thu nhập.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

[2.5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh Nguyễn Mạnh N nhận cầm cố xe máy điện của Đ, L với giá 2.000.000đồng, sau đó ông Cán Văn Thu (bố L) chuộc lại xe máy điện với giá 2.200.000đồng. Như vậy N đã thu lời bất chính số tiền 200.000đồng, số tiền này cần buộc N nộp sung quỹ nhà nước.

[2.5]. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Cần Văn Đ, Cần Đức L** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Cần Văn Đ : 06(Sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Cần Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 36, điều 91 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Cần Đức L :06 (Sáu) tháng** Cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Cần Đức L cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

4. Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự: Buộc Nguyễn Mạnh N phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng(Hai trăm nghìn đồng) tiền thu lời bất chính.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Cần Văn Đ, Cần Đức L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- CA huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Bị cáo; bị hại, đại diện bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Quý